

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 02 trang)

MÃ ĐỀ 7102

Họ và tên:Lớp 10/... Số báo danh:

PHẦN A: TRẮC NGHIỆM (7Đ)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3.0đ). Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất.

Câu 1: Nhân tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định hàng đầu đến sự phát triển và phân bố giao thông vận tải?

- A. Điều kiện tự nhiên. B. Phân bố dân cư.
C. Các ngành sản xuất. D. Phát triển đô thị.

Câu 2: Loại hình giao thông nào sau đây nhất thiết cần phải phát triển ở các nước là đảo quốc (Anh, Nhật Bản,...)?

- A. Đường sông. B. Đường sắt. C. Đường ô tô. D. Đường biển.

Câu 3: Công nghiệp điện tử - tin học thường tập trung ở các thành phố lớn, nguyên nhân chủ yếu là do

- A. cần diện tích rộng, không tiêu thụ nhiều kim loại, điện, nước.
B. nhu cầu tiêu thụ nhiều sản phẩm, ngành không cần diện tích rộng.
C. yêu cầu nguồn lao động trẻ có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.
D. cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật, vốn đầu tư, lao động trình độ.

Câu 4: Đặc điểm của trung tâm công nghiệp là

- A. có dịch vụ hỗ trợ công nghiệp. B. nơi có một đến hai xí nghiệp.
C. khu vực có ranh giới rõ ràng. D. gần với đô thị vừa và lớn.

Câu 5: Các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nghề nghiệp thuộc về nhóm ngành

- A. dịch vụ tiêu dùng. B. dịch vụ công.
C. dịch vụ kinh doanh. D. dịch vụ cá nhân.

Câu 6: Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò

- A. tiền đề. B. quan trọng. C. cơ sở. D. quyết định.

Câu 7: Nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng, gồm

- A. nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp. B. trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản.
C. trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. D. chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dầu mỏ?

- A. Có khả năng sinh nhiệt lớn. B. Cháy hoàn toàn, không tro.
C. Tiện vận chuyển, sử dụng. D. ít gây ô nhiễm môi trường.

Câu 9: Ưu điểm của ngành vận tải đường sắt là

- A. vận tải được hàng nặng trên đường xa với tốc độ nhanh, ổn định, giá rẻ.
B. tiện lợi, cơ động và có khả năng thích nghi với các điều kiện địa hình.
C. rẻ, thích hợp với hàng nặng, cồng kềnh; không yêu cầu chuyển nhanh.
D. trẻ, tốc độ cao, đóng vai trò đặc biệt trong vận tải hành khách quốc tế.

Câu 10: Đặc điểm sinh thái của cây lúa gạo là

- A. nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.
B. nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước.
C. ẩm, khô, đất đai màu mỡ, nhiều phân bón.
D. nóng, thích nghi với sự dao động khí hậu.

Câu 11: Loại thủy sản chiếm tới 85 – 90% sản lượng thủy sản khai thác trên thế giới là

- A. cua. B. tôm. C. cá. D. mực

Câu 12: Vai trò của công nghiệp đối với các ngành kinh tế là

- A. làm thay đổi sự phân công lao động. B. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên.
C. giảm chênh lệch về trình độ phát triển. D. thúc đẩy sự phát triển của các ngành.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (2,0đ). Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho bảng số liệu: SẢN LƯỢNG DẦU MỎ VÀ ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Dầu mỏ (triệu tấn)	3 605,5	3 983,4	4 362,9	4 484,5
Điện (tỉ KWh)	1 555,3	21 570,7	24 266,3	27 004,7

- a) Từ năm 2000 đến năm 2019, sản lượng dầu mỏ của thế giới có xu hướng giảm.
b) Giai đoạn 2000 - 2019, sản lượng điện của thế giới có xu hướng tăng.
c) Sản lượng điện nhỏ nhất vào năm 2010.
d) Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới giai đoạn 2000 - 2019 là biểu đồ cột.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Đường ô tô là loại hình giao thông thuận tiện và cơ động, phù hợp với cự li vận tải trung bình và ngắn, có khả năng phối hợp hoạt động với các loại hình vận tải khác; mạng lưới ngày càng mở rộng, chất lượng và phương tiện ngày càng hiện đại. Cự li vận chuyển trung bình không lớn; tiêu thụ nhiều nhiên liệu gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn và tai nạn giao thông,...

- a) Đường ô tô có cự li vận chuyển trung bình không lớn.
b) Khối lượng vận chuyển bằng đường ô tô thấp hơn các loại đường khác.
c) Mức độ và số lượng tai nạn đường ô tô lớn và chỉ đứng sau đường hàng không.
d) Ở nhóm nước phát triển có chiều dài đường ô tô cao tốc lớn hơn nhóm nước đang phát triển.

PHẦN III (2,0đ) CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1: Cho bảng số liệu: SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1990 - 2020

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	1990	2000	2010	2020
Sản lượng dầu mỏ	3157,9	3598,3	3978,6	4165,1

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của thế giới năm 2020 tăng thêm bao nhiêu % so với năm 1990 (coi sản lượng năm 1990 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 2: Biết trữ lượng than của toàn thế giới là 1069,7 tỉ tấn, trữ lượng than của châu Á là 329,9 tỉ tấn. Tính tỉ trọng trữ lượng than của châu Á so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 3: Sản lượng dầu thô khai thác của vùng Đông Nam Bộ năm 2015 và năm 2021 lần lượt là 7,7 triệu tấn và 4,2 triệu tấn. Hãy cho biết sản lượng dầu thô khai thác của vùng Đông Nam Bộ năm 2021 so với năm 2015 giảm bao nhiêu triệu tấn? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 4: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA TRUNG BÌNH
CỦA ĐƯỜNG Ô TÔ Ở VIỆT NAM NĂM 2020

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)
Đường ô tô	1 307,9	75 162,9

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cự li vận chuyển trung bình của đường ô tô nước ta năm 2020 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của km)

PHẦN B. TỰ LUẬN (3,0đ).

Câu 1 (2,0đ). Cho bảng số liệu: SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019

Năm	2000	2010	2015	2019
Điện (tỉ KWh)	1 555,3	21 570,7	24 266,3	27 004,7

- a. (1,5đ) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sản lượng điện của thế giới, giai đoạn 2000 – 2019.
b. (0,5đ) Nhận xét sự thay đổi sản lượng điện của thế giới, giai đoạn 2000 – 2019.

Câu 2 (1,0đ). Vì sao vùng Nam Trung Bộ (từ Đà Nẵng đến Lâm Đồng) nước ta lại tập trung nhiều cảng biển lớn?

.....**Hết**.....